TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 866 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1398/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 15/32/23 Võ Duy N, phường A, quận T, Thành phố M.

Bị đơn: Ông Ngô Vĩnh K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 15/32/23 Võ Duy N, phường A, quận T, Thành phố M.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, ấp T, xã E, huyện H, Thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019, Bản tự khai ngày 14/02/2020; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 18/3/2020 và ngày 10/6/2020; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 18/3/2020 và ngày 10/6/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 bà và ông K tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, Thành phố M ngày 22/6/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Quận A, Thành phố M. Đến năm 2016 vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không chăm lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt rồi về nhà gây

gỗ, xúc phạm bà. Tuy nhiên vì con còn nhỏ nên bà cũng cố gắng hàn gắn để con có cha có mẹ. Đến năm 2018 vợ chồng bà chuyển về nhà cha mẹ chồng tại Nhà không số, ấp T, xã E, huyện H, Thành phố M sinh sống. Trong khoảng thời gian này, bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông K vẫn không thay đổi, không chăm lo làm ăn để cùng bà xây dựng gia đình, cùng nuôi dạy con nhỏ khiến tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 01/2019 bà đã chuyển ra ngoài sinh sống và vợ chồng bà cũng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương ông K nữa. Do đó, bà xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung là trẻ Ngô Ngọc Quỳnh A , sinh ngày 23/11/2015. Hiện trẻ Quỳnh A đang ở với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quỳnh A, không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Vĩnh K, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng ông K không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Ngô Vĩnh K vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Vĩnh K. Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn", căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Ngô Vĩnh K hiện đang cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử để thông báo thời gian mở phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04/8/2020 nhưng ông K vắng mặt, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 25/8/2020 nhưng hôm nay ông K vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông K là phù hợp với quy định Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của bà H không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án và phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Ngô Vĩnh K:

Vào năm 2015 bà H và ông K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, Thành phố M ngày 22/6/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H thì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi bên đã tự hàn gắn để con có cha có mẹ. Tuy nhiên, kể từ năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do ông K thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo làm ăn, không cùng bà xây dựng gia đình, nuôi dạy con nhỏ, đôi bên thường xuyên gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau. Bản thân bà không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương ông K nữa. Do đó, bà xin được ly hôn với ông K.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Ngô Vĩnh K đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông K vắng mặt không lý do. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà H, những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin được ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Ngô Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 23/11/2015. Hiện trẻ Quỳnh A đang sống với bà H nên bà xin

được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quỳnh A, không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trẻ Quỳnh A còn đang rất nhỏ nên cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của trẻ về mọi mặt nên xét yêu cầu của bà H xin được trực tiếp nuôi trẻ Quỳnh A là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Ngô Vĩnh K.

2/ Về con chung: 01 trẻ tên: Ngô Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 23/11/2015.

Sau ly hôn, giao trẻ Ngô Ngọc Quỳnh A cho bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Ngô Vĩnh K cho đến khi bà Phạm Thị Thu H có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị Thu H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0074094 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặn bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- UBND phường 22, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Linh